



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thương mại Hà Tây

Ngày 30/09/2025	1,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-	-

DT thuần Q3/25
2.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.17 -7.3%
YoY: ▲ 0.50 30.5%

LN thuần Q3/25
-1.58
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.92 37.0%
YoY: ▲ 0.21 12.0%

LN sau thuế Q3/25
-2.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.29 12.2%
YoY: ▼0.05 -2.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-69.7%
YoY: +/- ▼ 28.7%

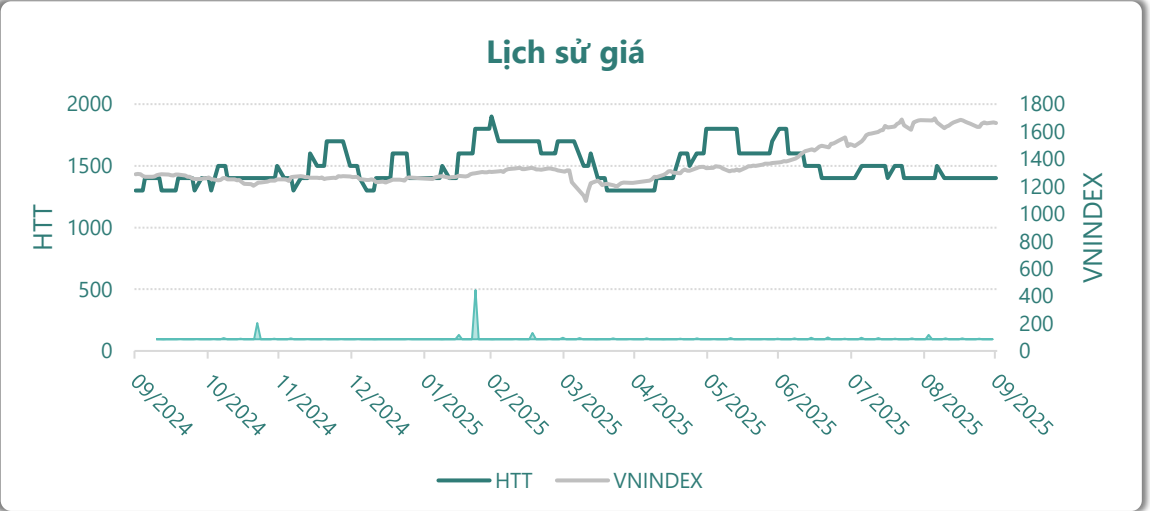
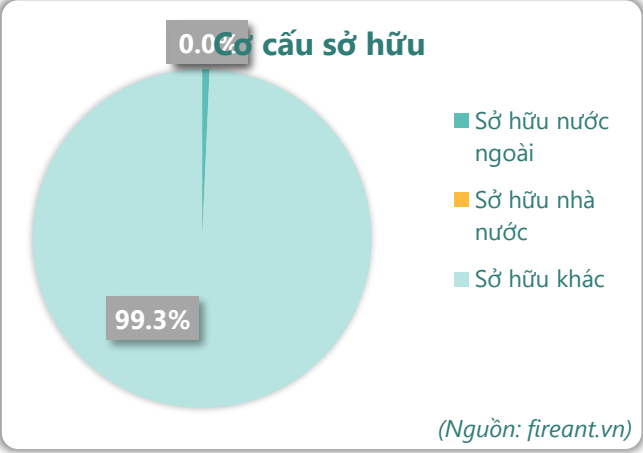
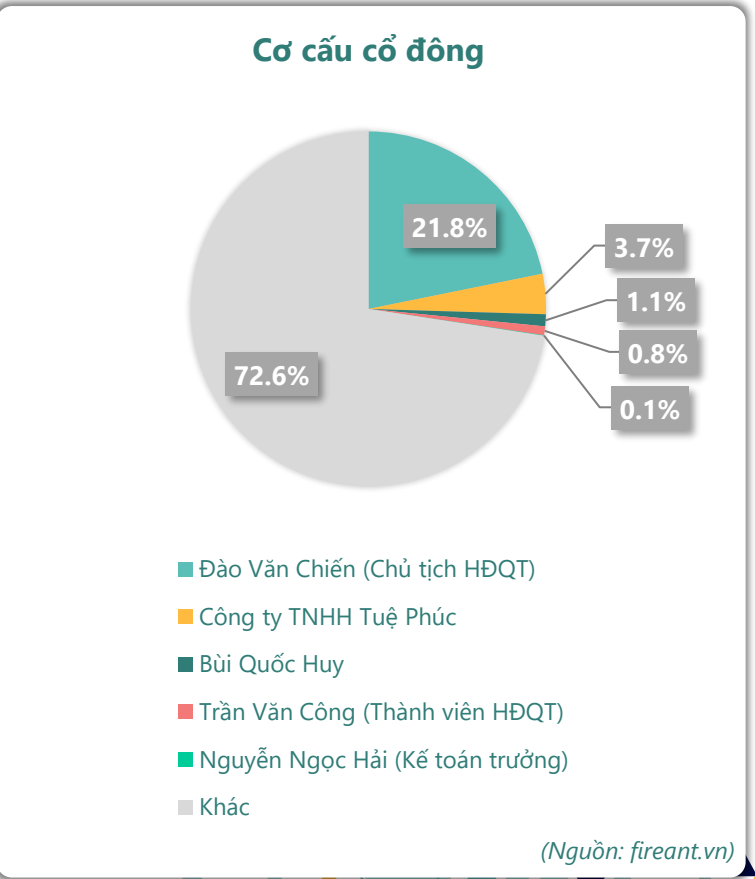
ROE (TTM) Q3/25
-6.3%
YoY: +/- ▼ 0.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,300 - 1,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	28
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,490
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.49
EPS	-356
P/E	-3.9

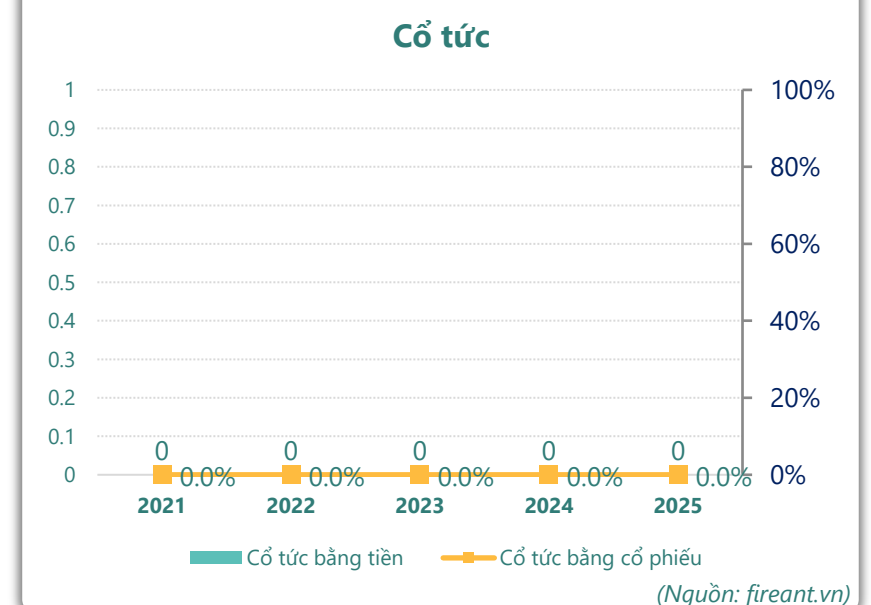
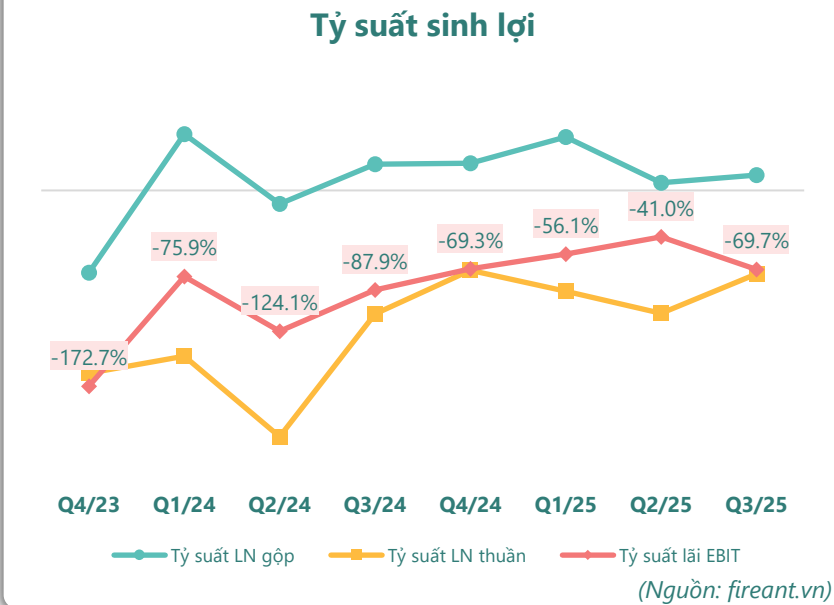
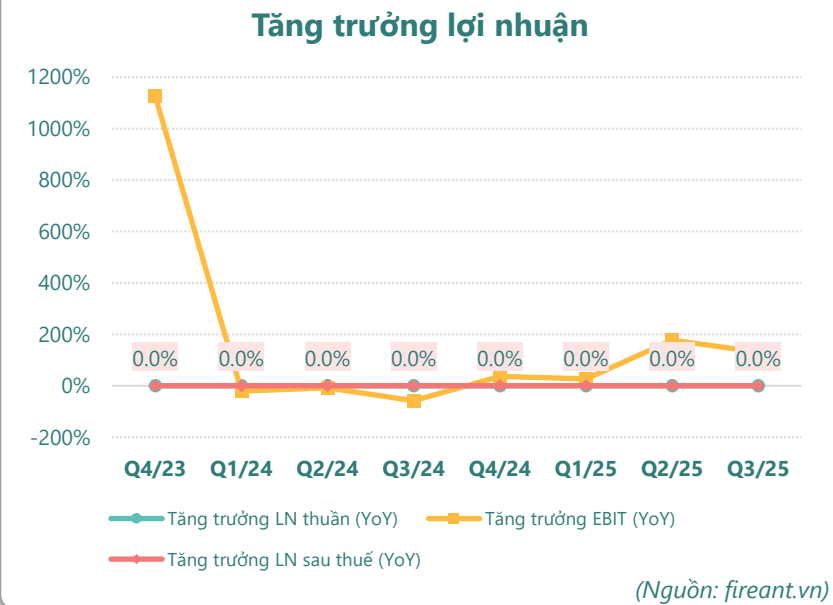
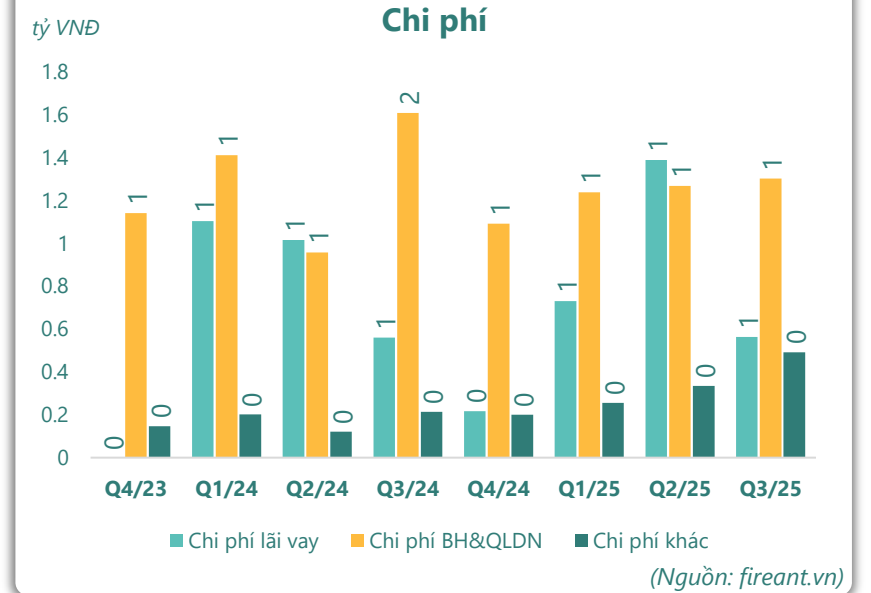
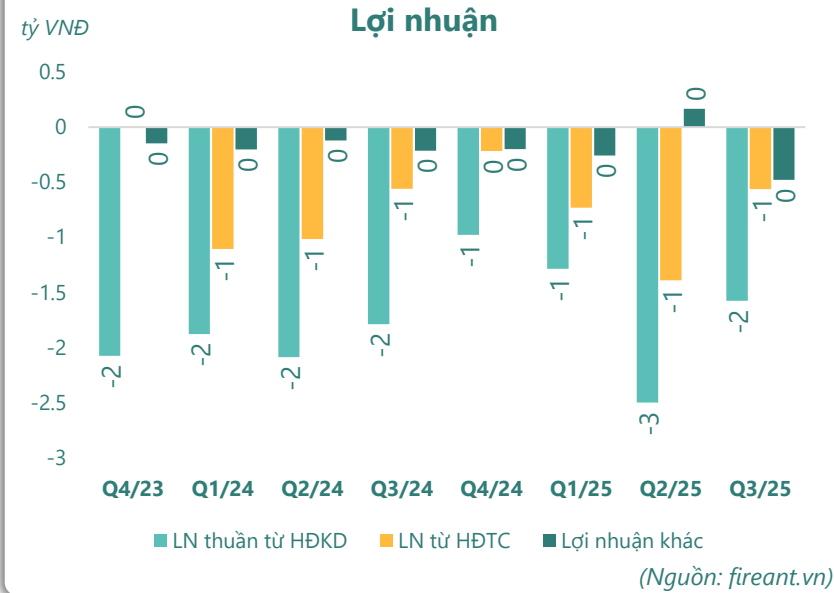
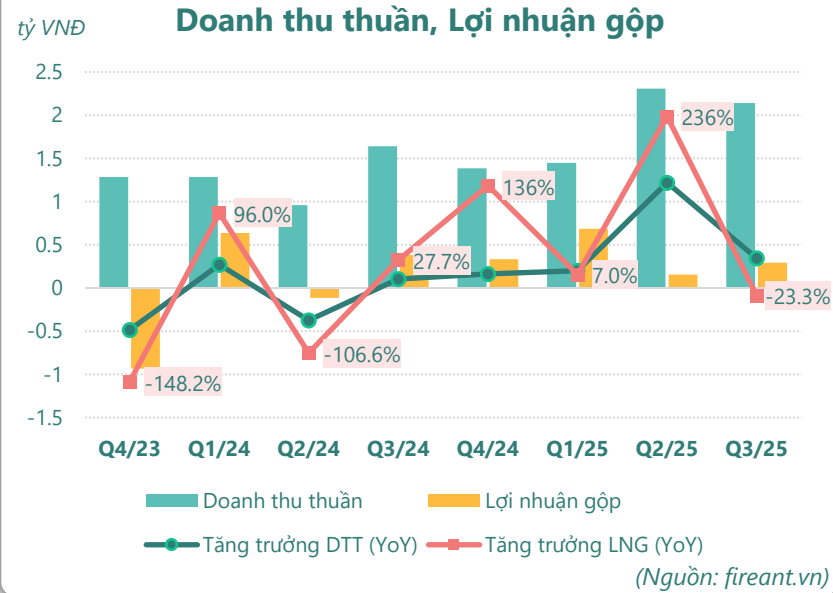
DT thuần 9T 2025
5.90
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.01 51.7%

LN thuần 9T 2025
-5.36
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.40 6.8%

LN sau thuế 9T 2025
-5.93
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.36 5.7%



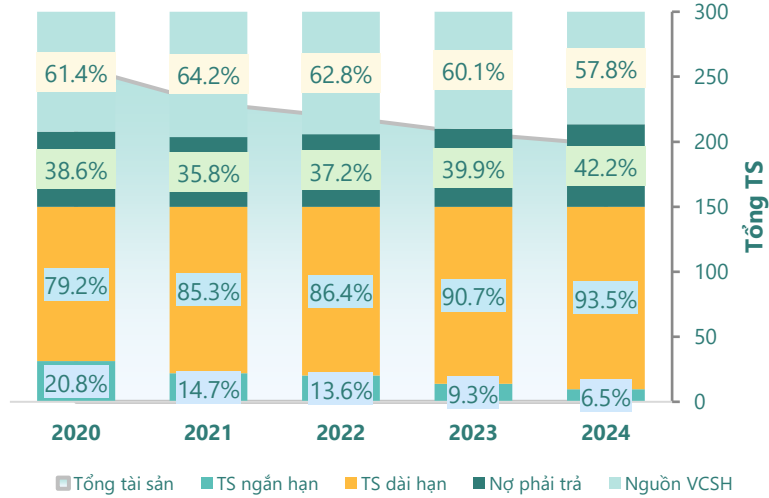
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

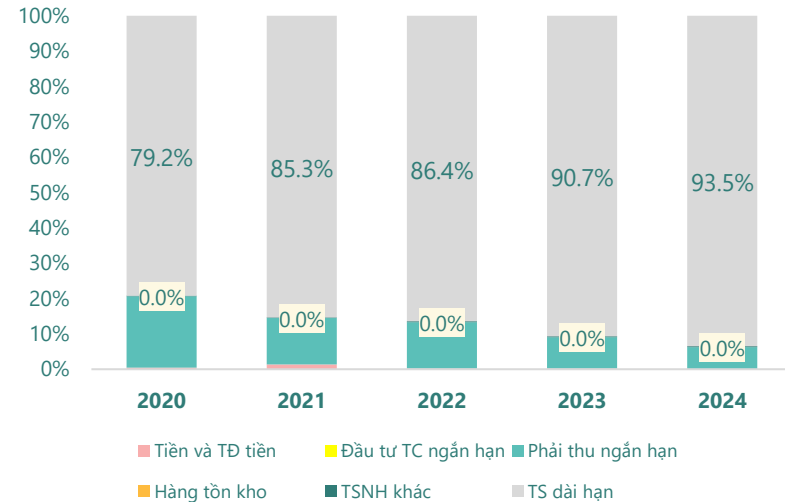
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

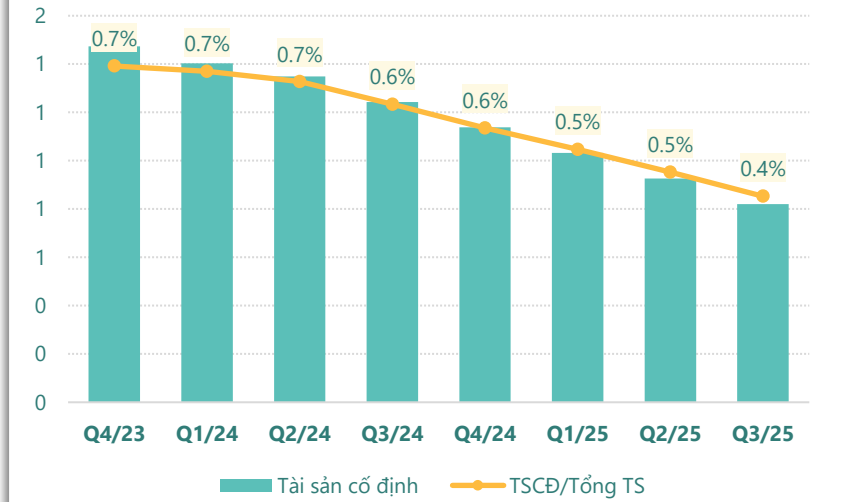
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

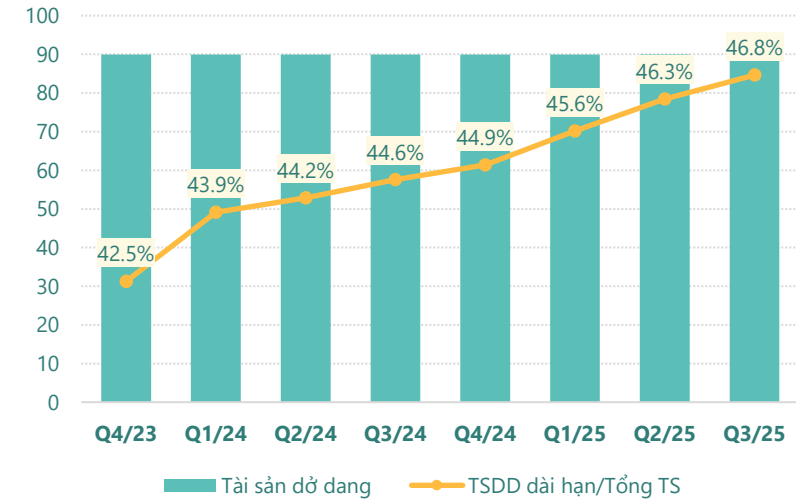
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

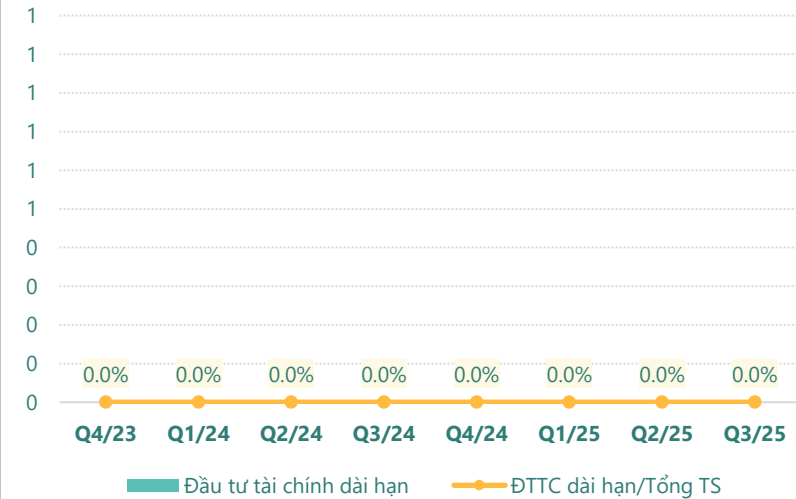
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

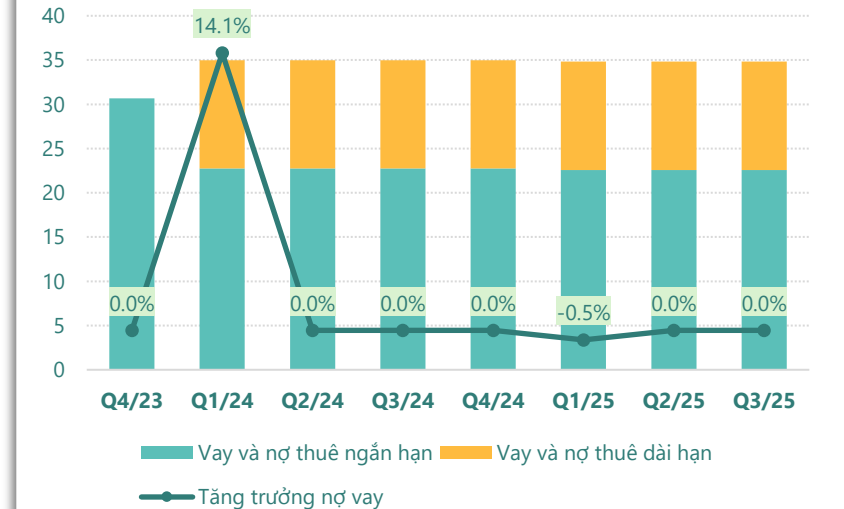
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

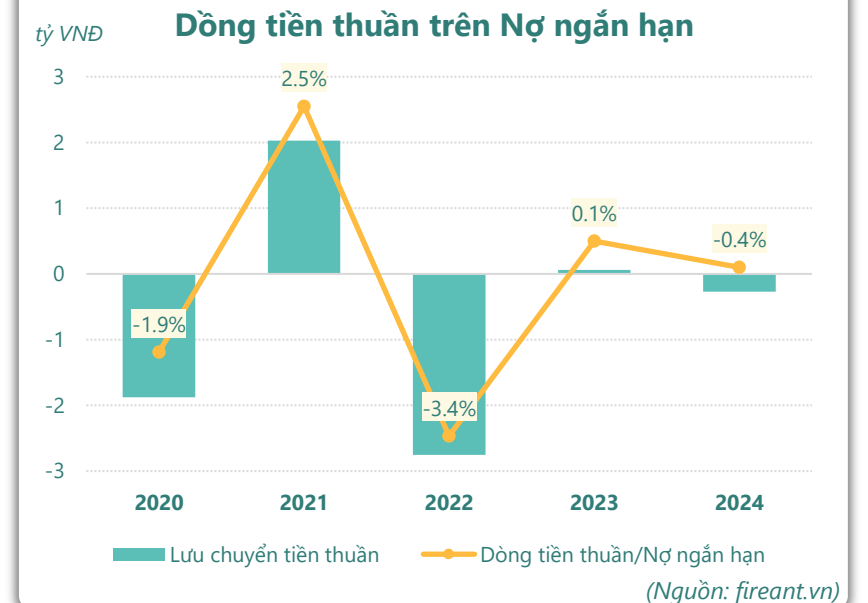
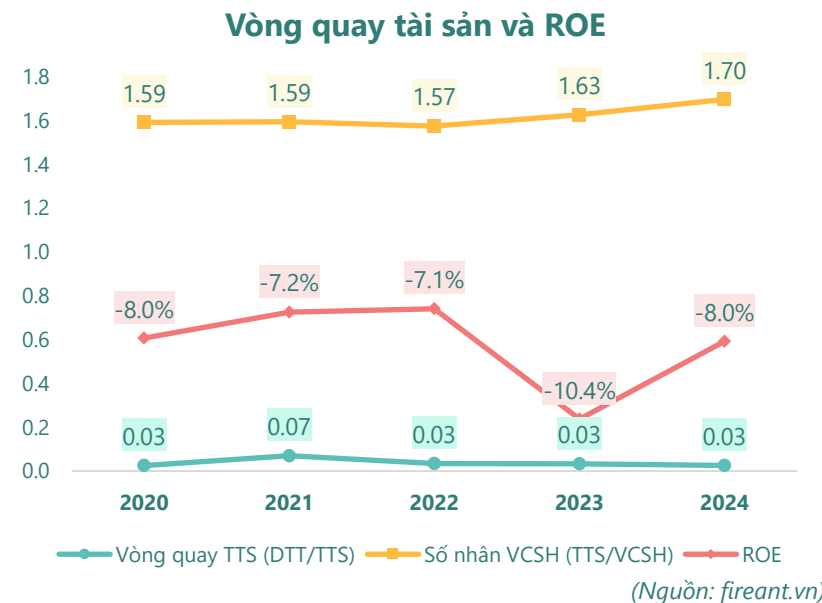
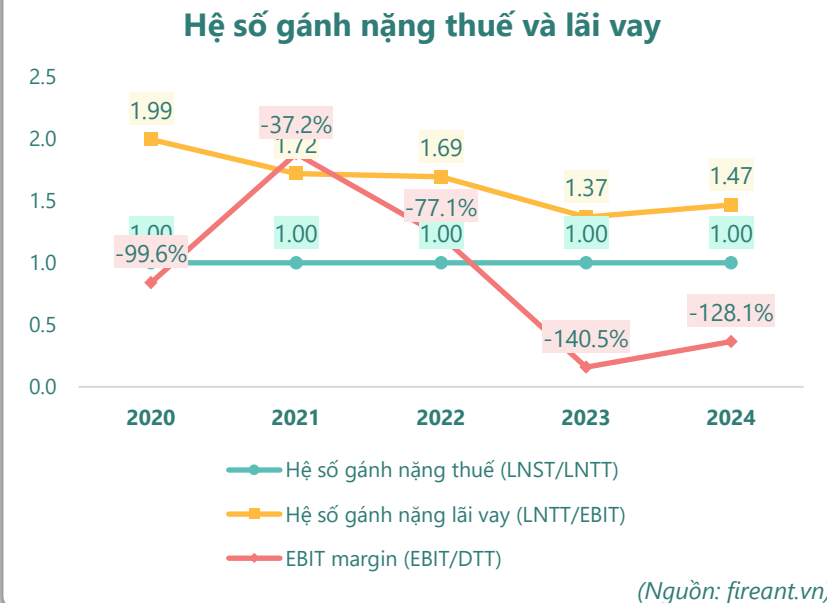
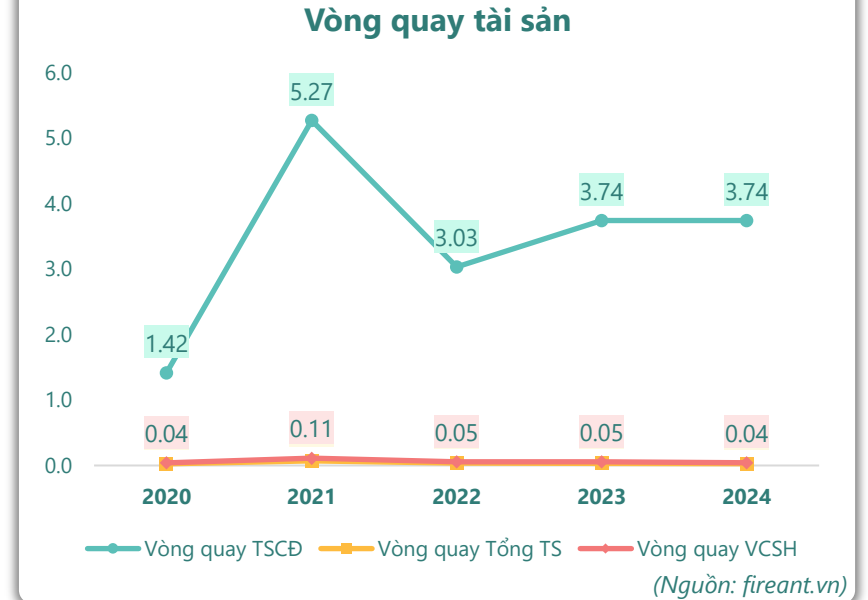
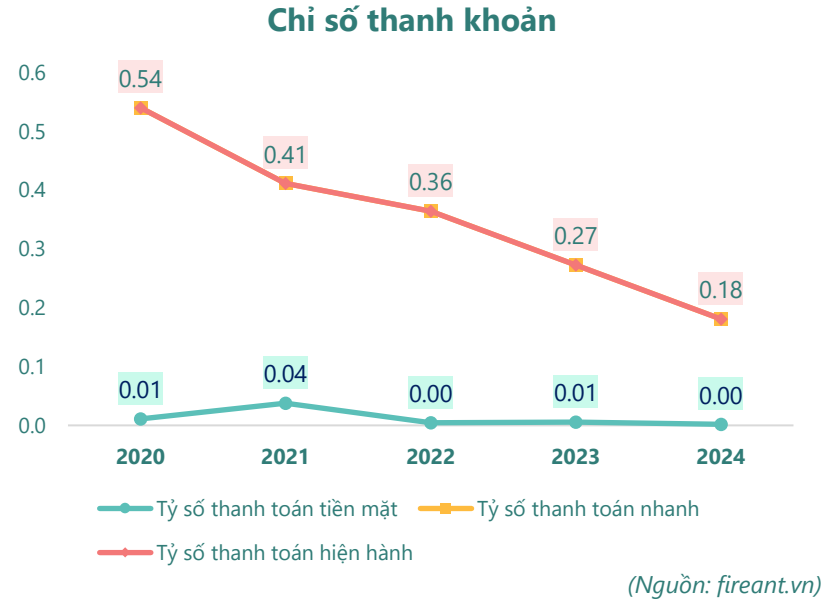
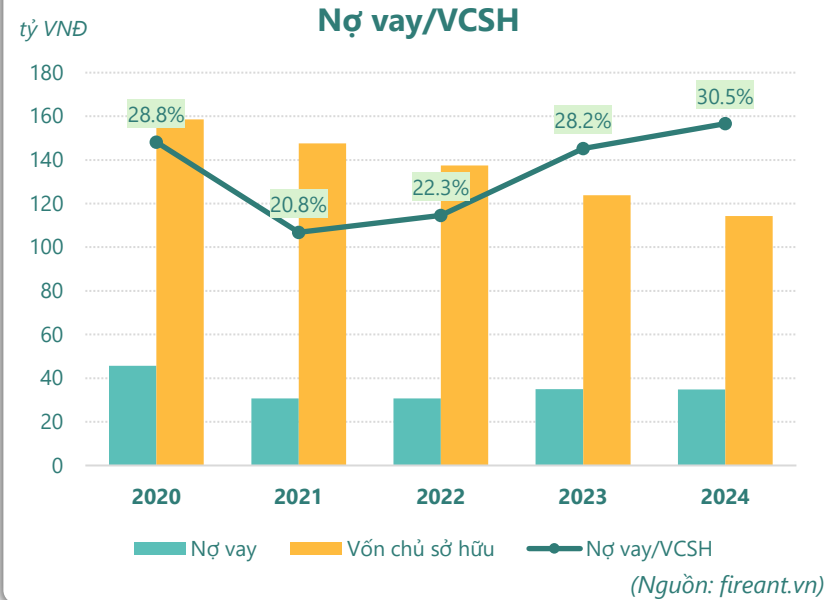
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2.14	1.64	30.5%	5.90	3.89	51.7%
Giá vốn hàng bán	1.85	1.26	46.8%	4.76	2.98	59.8%
Lợi nhuận gộp	0.29	0.38	-23.3%	1.13	0.90	25.1%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-73.9%
Chi phí TC	0.56	0.56	0.6%	2.68	2.68	0.1%
Chi phí lãi vay	0.56	0.56	0.6%	2.68	2.68	0.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.30	1.61	-19.0%	3.81	3.98	-4.2%
LN thuần từ HĐKD	-1.58	-1.79	12.0%	-5.36	-5.76	6.8%
Lợi nhuận khác	-0.48	-0.21	-128%	-0.57	-0.54	-6.3%
LN trước thuế	-2.05	-2.00	-2.7%	-5.93	-6.29	5.7%
Lợi nhuận sau thuế	-2.05	-2.00	-2.7%	-5.93	-6.29	5.7%
LNST của CĐ cty mẹ	-2.05	-2.00	-2.7%	-5.93	-6.29	5.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.11	-0.22	-0.18	0.19	-0.06	0.29
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.67	0.55	0.33	0.13	0.31	0.25
Lưu chuyển tiền thuần	-0.11	-0.22	-0.18	0.19	-0.06	0.29
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.55	0.33	0.16	0.31	0.25	0.54

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	192	198	-2.8%
Tài sản ngắn hạn	8.88	12.9	-31.2%
Tiền và tương đương tiền	0.54	0.13	318%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.14	12.2	-33.4%
Hàng tồn kho	-0.68	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.88	0.56	57.4%
Tài sản dài hạn	183	185	-0.8%
Phải thu dài hạn	39.8	39.8	0.0%
Tài sản cố định	0.82	1.14	-27.9%
Bất động sản đầu tư	52.8	54.1	-2.3%
Tài sản dở dang	89.9	89.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.00	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	83.7	83.6	0.2%
Nợ ngắn hạn	71.5	71.4	0.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	22.6	22.6	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.29	1.40	-7.6%
Nợ dài hạn	12.2	12.2	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.2	12.2	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	109	114	-5.0%
Vốn chủ sở hữu	109	114	-5.0%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

